TOÀ ÁN NHÂ DÂ **KHU VỰC 12 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2026
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂ DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂ DÂ KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.
Các Hội thẩm nhÂ dÂ:
Bà Phạm Thị Thúy Hằng;
Bà Trần Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Minh Nhựt Quang – Thư ký Toà án nhÂ dÂ khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhÂ dÂ khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Công ThÂ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhÂ dÂ khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 859/2025/ HNGĐ - ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐST-HNGĐ ngày *13 tháng 3 năm 2026* giữa:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Tài L, sinh năm: 1998. CCCD số 082198000023 cấp ngày 25/8/2021. Cục Cảnh sát, QLHC &TTXH. Địa chỉ: khu phố Cây Xoài, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *(có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: anh Trương Hoàng L2, sinh năm: 1995. CCCD số 072095012494 cấp ngày 25/8/2021. Cục Cảnh sát, QLHC &TTXH. Địa chỉ: khu phố Cây Xoài, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *(có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Tài L trình bày:

Về quan hệ hôn nhÂ: chị và anh L2 tiến đến hôn nhÂ vào năm 2016, đã đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhÂ dÂ xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu (nay là phường Gò Dầu), tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gỗ, cải vả với nhau. Vợ chồng đã ly thÂ từ cuối năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, mục đích hôn nhÂ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị yêu cầu ly hôn với anh Trường Hoàng L2 .

Về con chung: chị và anh L2 có 02 người con chung tên Trương Hoàng Â, sinh ngày: 28/7/2020 và Trương Hoàng B, sinh ngày: 09/6/2015. Hiện tại cháu Â, cháu B đang sống chung với anh L2. Khi ly hôn chị đồng ý và theo nguyện vọng của cháu B, giao 02 con chung là Trương Hoàng Â và Trương Hoàng B cho anh L2 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trường Hoàng L2 đã khai:

Về hôn nhÂ: Anh đồng ý ly hôn với chị L. Tuy nhiên, do bận đi làm nên anh xin vắng mặt, không tham gia hòa giải.

Về con chung: anh và L có 02 người con chung tên Trương Hoàng Â, sinh ngày: 28/7/2020 và Trương Hoàng B, sinh ngày: 09/6/2015. Hiện tại cháu Â, cháu B đang sống chung với anh. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trương Hoàng Â và Trương Hoàng B. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh L2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuÂ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dÂ sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng DÂ sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhÂ và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Tài L đối với anh Trường Hoàng L2 .

Về con chung: chị L và anh L2 có 02 con chung là Trương Hoàng Â, sinh ngày: 28/7/2020 và Trương Hoàng B, sinh ngày: 09/6/2015. Giao 02 con chung cho anh L2 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Tài L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L, anh L2 trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị L phải chịu tiền án phí hôn nhÂ gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Tài L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trường Hoàng L2, anh L2 có địa chỉ cư trú tại: phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhÂ dÂ khu vực 12 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dÂ sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L, anh L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dÂ sự xét xử vắng mặt chị L và anh L2 là đúng theo quy định.

[2] Về hôn nhÂ: chị Trần Thị Tài L và anh Trương Hoàng L2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhÂ dÂ xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu (nay là phường Gò Dầu), tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 145/2016, ngày 21/9/2016 là hôn nhÂ hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và B vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ, cải vã với nhau, vợ chồng đã ly thÂ từ cuối năm 2025 đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, với anh L2, anh L2 đồng ý ly hôn, nhưng do bận đi làm nên yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, hôn nhÂ giữa chị L và anh L2 phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai không mong muốn hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ, mục đích của hôn nhÂ không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh L2 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: chị L và anh L2 có 02 con chung là Trương Hoàng Â, sinh ngày: 28/7/2020 và Trương Hoàng B, sinh ngày: 09/6/2015. Theo sự thống nhất của chị L, anh L2 và nguyện vọng của cháu B. Giao cháu Trương Hoàng Â và Trương Hoàng B, cho anh L2 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh L2 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Tài L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị L, anh L2 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Trần Thị Tài L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, anh Trương Hoàng L2 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhÂ và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhÂ: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tài L đối với anh Trường Hoàng L2 . Chị L được ly hôn với anh L2 .

2. Về con chung: Chị L và anh L2 thống nhất có 02 con chung là Trương Hoàng Â, sinh ngày: 28/7/2020 và Trương Hoàng B, sinh ngày: 09/6/2015. Theo sự thống nhất của chị L, anh L2 và nguyện vọng của cháu B. Giao cháu Trương Hoàng Â và Trương Hoàng B, cho anh L2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh L2 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Tài L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh L2 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Tài L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhÂ gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0017030 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dÂ sự tỉnh Tây Ninh.

Anh Trương Hoàng L2 không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị Tài L và anh Trương Hoàng L2 có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhÂ dÂ tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dÂ sự thì người được thi hành án dÂ sự, người phải thi hành án dÂ sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dÂ sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dÂ sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 12 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 12 – Tây Ninh ;
- UBND phường Gò Dầu (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoài Tâm